

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST

Ngày: 30-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đình Hà

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên
tòa:** Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2019/TLST-HS, ngày 03 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H1, sinh ngày 20/02/1984; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn X1 (đã chết) và bà Lê Thị Y1, sinh năm 1953; Có vợ là Đào Thị Thu Z1, sinh năm 1985 và 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án số 76 ngày 25/10/2012 bị TAND huyện Đoan Hùng xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019, đến ngày 19/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Minh Phú, huyện Đoan Hùng. Có mặt

2. Đỗ Xuân H2, sinh ngày: 20/01/1984; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Trọng X2 (đã chết) và bà Chu Thị Y2, sinh năm 1957; Có vợ là Nguyễn Thị Z2, sinh năm 1990 và 03 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019, đến ngày 19/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

3. Bùi Văn T1, sinh ngày 14/7/1986; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn 06, xã Minh Phú, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn X3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y3, sinh năm 1962; Có vợ đã ly hôn và 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 06/9/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 06 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019, đến ngày 19/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

4. Tạ Văn T2, sinh ngày 30/01/1992; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn 04, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn X4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y4, sinh năm 1964; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019, đến ngày 19/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

5. Lê Văn M, sinh ngày 20/02/1984; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn 03, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn X5, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Y5, sinh năm 1964; Có vợ là Âu Thị Z5, sinh năm 1990 và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011); Tiền án, Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 18/10/2017 bị Công an huyện Đoan Hùng xử phạt vi phạm hành chính 350.000đ về hành vi “Đánh bạc” (đã nộp ngày 20/10/2017).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019, đến ngày 19/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

6. Nguyễn Thế A, sinh ngày 25/11/1983; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn 07, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn X6, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị Y6, sinh năm 1961; Có vợ là Nguyễn Thị Z6, sinh năm 1991 và 01 con (sinh năm 2018); Tiền án, Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 18/10/2017 bị Công an huyện Đoan Hùng xử phạt vi phạm hành chính 350.000đ về hành vi “Đánh bạc” (đã nộp ngày 20/10/2017).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019, đến ngày 19/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Đào Thị Thu T3, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn 04, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn 03, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn 04, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 13/02/2019, tại nhà ở của Lê Văn H1, ở thôn 4 xã M, huyện Đ, tổ công tác thuộc Công an huyện Đoan Hùng kiểm tra phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 06 đối tượng là Lê Văn H1, Tạ Văn T2, Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Nguyễn Thế A, Lê Văn M đều cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đang có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi liêng.

Thu giữ tại vị trí đánh bạc 5.210.000đ, 52 quân bài túlôkhor, 01 tấm đệm, kích thước 1,62x2,02. Ngoài ra CQĐT tiến hành kiểm tra tạm giữ của các đối tượng tham gia đánh bạc các tài sản như sau: Tạm giữ của Lê Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp số thuê bao 0988.754.xxx. Tạm giữ của Lê Văn M 500.000đ, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen lắp số thuê bao 0945.763.xxx, 01 ví giả da màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu FAMYLEA gắn biển số 33N9-69xx. Tạm giữ của Nguyễn Thế A 10.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đỏ lắp số thuê bao 0962.636.xxx, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu đỏ biển số 19K7-60xx. Tạm giữ của Bùi Anh T1 500.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lắp số thuê bao 0395.172.xxx. Tạm giữ của Tạ Văn T2 500.000đ, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen không có biển số. Tạm giữ của Đỗ Xuân H2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 14B1-023.xx

Quá trình điều tra làm rõ: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 13/02/2019, Đỗ Xuân H2, Lê Văn M, Bùi Văn T1 và Nguyễn Văn C, ở xã M, huyện Đ đi đến nhà H1 chơi. Trong khi ngồi uống nước, T1 rủ mọi người đánh bạc, tất cả đồng ý, sau đó đi xuống gian bếp nhà H1. H2 cầm tấm đệm trải ra nền bếp còn Mai lấy bộ bài túlôkhor 52 quân để ở giá giấy góc bếp để xuống giữa tấm đệm. H1, T1, H2, Mai đánh bạc còn anh C ngồi xem. Thống nhất hình thức đánh bạc là chơi liêng, mức 10.000đ/ván, cụ thể: Mỗi ván, mỗi người tham gia đánh bạc đặt vào giữa vị trí đánh bạc 10.000đ gọi là góp gà. Sau đó, người cầm cái dùng bộ

bài tú lơ khơ 52 quân chia lần lượt cho 4 người chơi theo ngược chiều kim đồng hồ (từ phải qua trái) mỗi người 03 quân bài ngẫu nhiên. Sau khi lên bài, căn cứ vào quân bài để cộng tính điểm, các quân từ A đến 9 tương ứng với điểm từ thấp đến cao là 1 đến 9 điểm, quân 10 và quân hình J, Q, K không tính điểm; các quân bài được xếp theo dây liên tục từ thấp đến cao tương ứng từ 2 đến A không kể cùng chất hay cùng màu thì gọi là liêng; cả 3 quân bài có cùng ký tự số hoặc hình từ thấp đến cao tương ứng từ 2 đến A gọi là sấp; trong đó sấp cao nhất, sau đó đến liêng, tính điểm là thấp nhất (Nếu cộng điểm được 10 điểm hoặc 20 điểm thì = 0 điểm, nếu cộng điểm quá 10 điểm hoặc quá 20 điểm thì số điểm tương ứng là chữ số hàng đơn vị); trường hợp bằng điểm thì so chất theo thứ tự từ cao xuống thấp là rô, cơ, tép, bích. Mỗi người chơi được cá cược (tổ) thêm ngoài tiền đã góp không quá 50.000đ một lượt và được tổ không quá 2 lượt. Người thắng mỗi ván sẽ được toàn bộ số tiền góp gà, tiền tổ thêm và cầm cái ván tiếp theo. Khi 4 người chơi được khoảng 20 phút thì Nguyễn Thế A và Tạ Văn T2 đến và tham gia đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Đoàn Hùng phát hiện và lập biên bản. Quá trình điều tra các đối tượng đã thừa nhận hành vi đánh bạc và làm rõ tổng số tiền các đối tượng đem theo là 6.720.000đ, sử dụng 5.210.000đ đánh bạc, cụ thể: H1 sử dụng 530.000đ đánh bạc; H2 mang theo và sử dụng 1.030.000đ đánh bạc; T1 mang theo 1.070.000đ, sử dụng 570.000đ đánh bạc; T2 mang theo 1.700.000đ, sử dụng 1.200.000đ đánh bạc; A mang theo 1.060.000đ, sử dụng 1.050.000đ đánh bạc; Mai mang theo 1.330.000đ, sử dụng 830.000đ đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKS ngày 02/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Lê Văn H1, Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2, Lê Văn M, Nguyễn Thế A về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn H1, Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2, Lê Văn M, Nguyễn Thế A phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ 07 ngày, từ ngày 13/02/2019 đến ngày 19/02/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt các bị cáo Lê Văn M, Nguyễn Thế A, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2 mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ, nộp sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân H2 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ, nộp sung công quỹ Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền đánh bạc của các bị cáo là 5.210.000đ để sung công quỹ nhà nước.

- Tịch thu để tiêu hủy 01 tấm đệm, kích thước 1,62x2.02 và 52 quân bài túlôkhor;

- Đối với các tài sản thu giữ của các bị cáo gồm: Bị cáo Lê Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, lắp số thuê bao 0988.754.xxx; bị cáo Lê Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, lắp số thuê bao 0945.763.xxx, 01 ví giả da màu đen đã cũ và 500.000đ; bị cáo Bùi Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, lắp số thuê bao 0395.172.xxx và 500.000đ; bị cáo Tạ Văn T2 500.000đ; bị cáo Nguyễn Thế A 10.000đ. Do tại phiên tòa các bị cáo đều không lấy lại nên đề nghị Hội đồng xét xử sung công quỹ Nhà nước các điện thoại di động và số tiền thu giữ của các bị cáo, tiêu hủy các tài sản còn lại gồm 01 ví giả da đã cũ và các sim điện thoại di động, do không còn giá trị sử dụng.

- Xác nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng đã trả cho bị cáo Nguyễn Thế A 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu đỏ, biển số 19K7-60xx và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus lắp số thuê bao 0962.636.xxx, trả cho bị cáo Tạ Văn T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Excirter màu xanh đen, không biển số và trả cho bị cáo Đỗ Xuân H2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 14B1-023.xx.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đoan Hùng đã trả cho ông Vi Văn Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu FAMYLEA màu xanh, biển số 33N9-69xx.

Bị cáo Lê Văn H1 cho rằng đại diện Viện kiểm sát xác định bị cáo là người giúp sức tích cực là không đúng, vì khi mọi người tụ đến chơi bạc, họ tự lấy bài để trên giá giấy, bị cáo không biết bài của ai. Bị cáo tuy phạm tội, nhưng đã được xóa án tích, nên áp dụng hình phạt phải như các bị cáo khác.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Việc xác định bị cáo là người giúp sức tích cực là có căn cứ, vì khi các bị cáo đến chơi và rủ bị cáo chơi bài, bị cáo không những không có hành động ngăn cản mà còn đồng ý và trải đệm chơi ngay trong nhà của mình, bị cáo cũng không chứng minh được bộ bài túlôkhor lấy trên giá giấy tại nhà của bị cáo là của người khác. Việc đề nghị áp dụng hình phạt tù với bị cáo là do bị cáo đã 1 lần bị xét xử về tội “Cướp tài sản”, tuy đã được xóa án tích, nhưng đây là căn cứ không cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2, Lê Văn M, Nguyễn Thế A không tranh luận gì, thừa nhận và ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng từ 20 giờ đến 21 giờ ngày 13/02/2019 tại nhà ở của Lê Văn H1 ở thôn 4 xã M, Lê Văn H1, Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2, Lê Văn M, Nguyễn Thế A đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng thì bị Cơ quan điều tra phát hiện và bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 5.210.000đ (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng). Hành vi sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng với số tiền 5.210.000đ (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng) của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3]. Về tính chất của hành vi phạm tội: Vụ án các bị cáo phạm tội có tính chất ít nghiêm trọng, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có việc tổ chức phân công vai trò cụ thể. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tới trật tự an toàn xã hội. Do vậy cần phải có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

[4]. Về nhân thân: Các bị cáo Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2, Lê Văn M, Nguyễn Thế A đều phạm tội lần đầu.

Bị cáo Lê Văn H1, năm 2012 đã bị Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2, Lê Văn M, Nguyễn Thế A đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ

luật hình sự. Bị cáo Đỗ Xuân H2 có bố đẻ là thương binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn H1, năm 2012 đã bị xét xử hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”, tuy đến nay đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu mà chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, trên cơ sở phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội, nên căn xử phạt bị cáo Lê Văn H1 hình phạt tù ở mức khởi điểm và không áp dụng hình phạt bổ sung. Đối với các bị cáo Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2, Lê Văn M, Nguyễn Thế A, thì bị cáo Tạ Văn T2 là người sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn cả, nên xử phạt bị cáo hình phạt chính và hình phạt bổ sung cao hơn các bị cáo khác.

Tuy bị cáo Lê Văn H1 không thừa nhận mình là người giúp sức tích cực, nhưng qua tranh luận, có căn cứ để xác định việc nhận định và đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 5.210.000đ là tiền phạm tội đánh bạc nên sẽ tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 tấm đệm, tại phiên tòa chỉ T3 không yêu cầu lấy lại, 52 quân bài tú lơ khơ là công cụ phạm tội nên sẽ tịch thu để tiêu hủy.

Đối với các tài sản thu giữ của các bị cáo, các bị cáo đều không lấy lại, do vậy việc đề nghị xử lý đối với các tài sản này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, cần chấp nhận.

[7]. Trong vụ án này bị cáo Lê Văn H1 là người đã cung cấp bộ bài, tấm đệm và cho các bị cáo mượn địa điểm là phòng ở nhà mình để thực hiện hành vi đánh bạc. Tuy nhiên H1 là người chưa có tiền án, tiền sự về hành vi “Đánh bạc”, “Tổ chức đánh bạc hay gá bạc”, không tổ chức cầm cố tài sản, không lắp thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc hoặc phân công người canh gác... số tiền sử dụng đánh bạc dưới 20.000.000đ, nên hành vi không cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc hay gá bạc”.

[8]. Đối với anh Nguyễn Văn C, trong quá trình các bị cáo đánh bạc, anh C chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H1, Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2, Lê Văn M, Nguyễn Thế A phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H1 06 (Sáu) tháng tù. Trừ cho bị cáo 07 (Bảy)

ngày bị tạm giữ (từ ngày 13/02/2019 đến ngày 19/02/2019). Bị cáo còn phải chấp hành 05 (Năm) tháng 23 (Hai mươi ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Tạ Văn T2 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thế A 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Văn M 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn T1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân H2 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Tạ Văn T2, Nguyễn Thế A, Lê Văn M, Bùi Văn T1 và Đỗ Xuân H2 cho UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Phạt bổ sung bị cáo Tạ Văn T2 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), các bị cáo Nguyễn Thế A, Lê Văn M, Bùi Văn T1 và Đỗ Xuân H2 mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp sung công quỹ Nhà nước.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền đánh bạc của các bị cáo là 5.210.000đ (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

- Sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 358884075895123 của bị cáo Lê Văn H1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 356851075694162 và số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Lê Văn M, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI: 351831077328006 và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Bùi Văn T1, 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Tạ Văn T2 và 10.000đ (Mười nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thế A.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 tấm đệm, kích thước 1,62mx2.02m; 52 quân bài túlôkhor, kích thước mỗi quân bài 5,7cmx8,6cm, một mặt in hình quân bài, một mặt kẻ caro màu xanh; 01 sim điện thoại số 0988.754.xxx thu giữ của Lê Văn H1; 01 sim điện thoại số 0945.763.xxx và 01 ví giả da màu đen đã cũ thu giữ của Lê Văn M; 01 sim điện thoại số 0395.172.xxx thu giữ của Bùi Văn T1.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng đang quản lý).

- Xác nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng đã trả cho bị cáo Nguyễn Thế A 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu đỏ, biển số 19K7-60xx và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus lắp số thuê bao 0962.636.xxx, trả cho bị cáo Tạ Văn T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Excirter màu xanh đen, không biển số và trả cho bị cáo Đỗ Xuân H2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 14B1-023.xx.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đoan Hùng đã trả cho ông Vi Văn Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu FAMYLA màu xanh, biển số 33N9-69xx.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lê Văn H1, Đỗ Xuân H2, Bùi Văn T1, Tạ Văn T2, Lê Văn M, Nguyễn Thế A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Vi Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có QLVN liên quan;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Đoan Hùng;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Vũ Thường